

Số: 1800 /2003/QĐ-UB

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 8 năm 2003

## TỐI MẬT

### QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH Về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch xây dựng và huy động lực lượng Dự bị động viên cho các huyện, thành phố, thị xã.

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Căn cứ luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi);
- Căn cứ Quyết định số: 117/2002/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước về xây dựng và huy động lực lượng Dự bị động viên.
- Căn cứ Thông tư liên tịch số: 51/2002/TTLT-BQP-BKH&ĐT của Bộ Quốc phòng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn lập kế hoạch xây dựng và huy động lực lượng Dự bị động viên
- Căn cứ Quyết định số: 453/QĐ-QK, ngày 3/4/2003 của Tư lệnh Quân khu I về việc giao chỉ tiêu kế hoạch huy động và tiếp nhận lực lượng Dự bị động viên;
- Theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh tại văn bản số: 446/CV- BCH ngày 30 tháng 7 năm 2003 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch xây dựng và huy động lực lượng Dự bị động viên cho các huyện, thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công;
- Sau khi xem xét tình hình nhiệm vụ, số lượng và chất lượng Quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật đã đăng ký quản lý trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

#### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Giao chỉ tiêu Kế hoạch xây dựng và huy động lực lượng Dự bị động viên cho các huyện, thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công bao gồm những nội dung sau:

- 1- Chỉ tiêu xây dựng và huy động quân nhân dự bị;
  - 2 - Chỉ tiêu xây dựng và huy động đơn vị chuyên môn kỹ thuật,
  - 3 - Chỉ tiêu huy động phương tiện kỹ thuật trên địa bàn của tỉnh;
- Chỉ tiêu chung và chỉ tiêu cụ thể về huy động lực lượng Dự bị động viên và phương tiện kỹ thuật, phân bổ cho các huyện, thành phố, thị xã, (Trong các phụ lục kèm theo quyết định này ).
- Chỉ tiêu chung do Ban soạn thảo kế hoạch động viên của tỉnh quản lý, để theo dõi và kiểm tra việc thực hiện;

**Điều 2:** - Giao cho Ban soạn thảo kế hoạch và Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn các huyện, thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công và các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng với quy định của Bộ Quốc phòng và Tư lệnh Quân Khu I.

- Việc soạn thảo các văn kiện về Kế hoạch xây dựng, huy động và tiếp nhận lực lượng Dự bị động viên của các cấp, các cơ quan, đơn vị được thực hiện xong trước ngày 15 tháng 9 năm 2003.

**Điều 3:** Các ông, bà, Chánh Văn phòng HĐND và UBND tỉnh, Ban soạn thảo xây dựng Kế hoạch và huy động lực lượng Dự bị động viên tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

- Quyết định này thay thế Quyết định số: 2754/QĐ-UB, ngày 22 tháng 10 năm 1997 của UBND tỉnh Thái Nguyên về giao chỉ tiêu động viên quân dự bị năm 1997-2000 cho các huyện, thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công./.

*Nơi nhận:*

- TT Tỉnh uỷ (Báo cáo)
- TT HĐND tỉnh
- Chủ tịch, các PCT-UBND tỉnh
- Như điều 3  
(Để thực hiện)
- Lưu VP-NC2b  
QĐ 6-QS  
(47 Bản)

*ry*

**TM/ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
CHỦ TỊCH**



**Hứu Đức Nhị**











Đơn vị Nhận nguồn	CHI TIÊU																											Ghi chú		
	ĐỊA PHƯƠNG GIAO NGUỒN.																													
	Thành Phố			Sông Công			Phổ Yên			Phú Bình			Đông Hỷ			Đại Từ			Phú Lương			Định Hoá			Võ Nhai					
+	SQ	HQ BS	+	SQ	HQ BS	+	SQ	HQ BS	+	SQ	HQ BS	+	SQ	HQ BS	+	SQ	HQ BS	+	SQ	HQ BS	+	SQ	HQ BS	+	SQ	HQ BS	+	SQ	HQ BS	
12. Kho Kỹ thuật	60	4	36																											
13. Kho Hậu cần	21	1	20	21	1	20														60	4	36								
14. Trạm khách	7	1	6	7	1	6																								
15. Nhà Văn hoá	5	2	3	5	2	3																								
16. Phục vụ cơ quan	15	1	14	15	1	14																								
17. Cơ quan Bó chỉ huy	39	27	12	11	8	3	2		2																					
- Phòng Tham mưu	20	13	7																	26	19	7								
- Phòng Chính trị	6	6																		20	13	7								
- Phòng Hậu cần	11	8	3	11	8	3														6	6									
- Phòng Kỹ thuật	2	0	2				2	0	2																					
18. Trường QS tỉnh	62	34	28																											
B. Các huyện, thành, thị	4084	312	3772	454	35	419	452	32	420	454	35	419	454	35	419	454	35	419	454	35	419	454	35	419	454	35	419	454	35	419
- Cơ quan huyện, thị	61	60	1	7	7	0	5	4	1	7	7	0	7	7	0	7	7	0	7	7	0	7	7	0	7	7	0	7	7	0
- d BB huyện, thành, thị	3906	243	3663	434	27	407	434	27	407	434	27	407	434	27	407	434	27	407	434	27	407	434	27	407	434	27	407	434	27	407
- b trình sát huyện, thị	117	9	108	13	1	12	13	1	12	13	1	12	13	1	12	13	1	12	13	1	12	13	1	12	13	1	12	13	1	12
IV. Đơn vị chuyên môn	120	29	91																											
1BVdã chiến 15 giường	120	29	91	120	29	91																								
V. Dự trữ	4823	417	4406	1223	87	1136	300	20	280	500	50	450	800	60	740	500	50	450	500	50	450	500	50	450				500	50	450



**PHỤ LỤC 2: GIAO CHỈ TIÊU ĐỘNG VIÊN PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT**

(Kèm theo Quyết định số: 1800/2003/QĐ-UB, ngày 11/8/2003 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

TT	Đơn vị nhận	Địa phương giao	Tổng cộng	LOẠI PHƯƠNG TIỆN									Ghi chú
				Xe ô tô con	Xe ca 12 chỗ ngồi trở lên	Xe cứu thương	Xe ô tô trở nhiên liệu	Xe vận tải 2,5 tấn trở lên	Xe tự đổ 2,5 tấn trở lên	Máy hút	Máy xúc	Máy san gạt	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>317</b>	<b>5</b>	<b>7</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>250</b>	<b>20</b>	<b>11</b>	<b>9</b>	<b>8</b>	
<b>I</b>	<b><u>Giao cho các ĐV Bô</u></b>		<b><u>72</u></b>	<b><u>1</u></b>	<b><u>5</u></b>	<b><u>1</u></b>		<b><u>40</u></b>	<b><u>10</u></b>	<b><u>5</u></b>	<b><u>5</u></b>	<b><u>5</u></b>	
1	<u>Sư đoàn 312/QĐ1</u>	<u>Huyện phố Yên</u>	<u>15</u>					<u>15</u>					
2	<u>Kho KW3/TCKT</u>	<u>Huyện Đại Từ</u>	<u>20</u>	<u>1</u>	<u>3</u>	<u>1</u>		<u>15</u>					
3	<u>Lữ 472/BĐ 12</u>		<u>37</u>		<u>2</u>			<u>10</u>	<u>10</u>	<u>5</u>	<u>5</u>	<u>5</u>	
		Thành phố	27		2			10		5	5	5	
		H. Phú Bình	10						10				
<b>II</b>	<b><u>Các ĐV thuộc QK</u></b>		<b><u>205</u></b>	<b><u>4</u></b>	<b><u>2</u></b>	<b><u>2</u></b>	<b><u>2</u></b>	<b><u>172</u></b>	<b><u>10</u></b>	<b><u>6</u></b>	<b><u>4</u></b>	<b><u>3</u></b>	
1	<u>Sư đoàn 3</u>	<u>TX.Sông công</u>	<u>35</u>			<u>1</u>		<u>34</u>					
2	<u>Lữ PK 210</u>	<u>Thành phố</u>	<u>5</u>				<u>2</u>	<u>3</u>					
3	<u>Lữ 575 C.Binh</u>		<u>30</u>	<u>1</u>				<u>6</u>	<u>10</u>	<u>6</u>	<u>4</u>	<u>3</u>	
		Thành phố	6							6			
		Huyện Đại Từ	24	1				6	10		4	3	
4	<u>Lữ PB 382</u>		<u>30</u>	<u>1</u>				<u>29</u>					
		Huyện Đại Từ	15					15					
		H. Võ Nhai	15	1				14					
5	<u>e pháo B.thắng 445</u>		<u>30</u>	<u>2</u>	<u>2</u>	<u>1</u>		<u>25</u>					
		H. Phú Lương	16			1		15					
		H. Đông Hỷ	14	2	2			10					

TT	Đơn vị nhận	Địa phương giao	Tổng cộng	LOẠI PHƯƠNG TIỆN									Ghi chú	
				Xe ô tô con	Xe ca 12 chỗ ngồi trở lên	Xe cứu thương	Xe ô tô trở nhiên liệu	Xe vận tải 2,5 tấn trở lên	Xe tự đổ 2,5 tấn trở lên	Máy hút	Máy xúc	Máy san gạt		
6	e T.Tin 601	Thành phố	10					10						
7	Cơ quan Quân khu		65					65						
	Cục Hậu cần	Thành phố	65					65						
III	BCH QS ư tỉnh		40			1	1	38						
1	d PK	Sông Công	4					4						
2	d PB	Phú Bình	1					1						
3	d CB	Đồng hỷ	2					2						
4	d Thông tin	Thành phố	1					1						
5	d Quân y	Sông Công	1			1								
6	d vận tải	Thành phố	31				1	30						

**PHỤ LỤC 1: CHỈ TIÊU XÂY DỰNG VÀ HUY ĐỘNG QUÂN DỰ BỊ**  
 Của huyện Đình Hoà kèm theo Quyết định số: 1800/2003/QĐ-UB ngày 11/8/2003



ĐƠN VỊ NHẬN NGUỒN	CHỈ TIÊU		
	+	SQ	HSQ-BS
<b>Tổng cộng</b>	<b>1758</b>	<b>143</b>	<b>1615</b>
<b>I. GIAO CHO CHỦ LỰC QK</b>	<b><u>1304</u></b>	<b><u>108</u></b>	<b><u>1196</u></b>
<b>1. Sư đoàn 346</b>	<b>1222</b>	<b>81</b>	<b>1141</b>
- Trung đoàn 677	1222	81	1141
<b>2. Bộ Tham mưu Quân khu</b>	<b>61</b>	<b>16</b>	<b>45</b>
- Cụm 22	37	14	23
- Trại giam T82	24	2	22
<b>3. Cục Kỹ thuật</b>	<b>21</b>	<b>11</b>	<b>10</b>
- Cơ quan Cục	10	10	
- Kho K15	11	1	10
<b>II. BỘ ĐỘI ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b><u>454</u></b>	<b><u>35</u></b>	<b><u>419</u></b>
<b>1. Động viên cho huyện</b>	<b>454</b>	<b>35</b>	<b>419</b>
- Cơ quan quân sự huyện	7	7	0
- d BB huyện	434	27	407
- b trình sát huyện	13	1	12

**PHỤ LỤC I: CHỈ TIÊU XÂY DỰNG VÀ HUY ĐỘNG QUÂN DỰ BỊ**  
 Của huyện Phú Lương kèm theo Quyết định số: 1800/2003/QĐ-UB ngày 11/8/2003

ĐƠN VỊ NHẬN NGUỒN	CHỈ TIÊU		
	+	SQ	HSQ-BS
<b>Tổng cộng</b>	<b>2396</b>	<b>196</b>	<b>2200</b>
<b>I. GIAO CHO CHỦ LỰC QK</b>	<b><u>1442</u></b>	<b><u>111</u></b>	<b><u>1331</u></b>
<b>1. Sư đoàn 346</b>	<b>1024</b>	<b>74</b>	<b>950</b>
- d 12 Cối 100	258	22	236
- d 14 PK	267	17	250
- d Quân y	50	5	45
- c Cảnh vệ	71	5	66
- Trung đoàn 246	378	25	353
<b>2. Trung đoàn pháo 445</b>	<b>198</b>	<b>24</b>	<b>174</b>
- d2 Pháo bắn thẳng	198	24	174
<b>3. Bộ Tham mưu Quân khu</b>	<b>164</b>	<b>7</b>	<b>157</b>
- Phục vụ cơ quan	12	1	11
- Tổ đài Quân báo	8	0	8
- Tổ chứng minh thư	3	0	3
- Tổ kiểm soát VTĐ	5	0	5
- Nhà khách văn phòng	11	1	10
- Trạm khách 88	20	0	20
- Kho Công binh	30	1	29
- Kho Thông tin	30	3	27
- Kho Hoá học	20	1	19
- Đại đội 17	25	0	25
<b>4. Cục Kỹ thuật</b>	<b>56</b>	<b>6</b>	<b>50</b>
- Kho K15	56	6	50
<b>II. BỘ ĐỘI ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b><u>454</u></b>	<b><u>35</u></b>	<b><u>419</u></b>
<b>1. Động viên cho huyện</b>	<b>454</b>	<b>35</b>	<b>419</b>
- Cơ quan quân sự huyện	7	7	0
- d BB huyện	434	27	407
- b trình sát huyện	13	1	12
<b>III. DỰ TRỮ</b>	<b><u>500</u></b>	<b><u>50</u></b>	<b><u>450</u></b>



**PHỤ LỤC 2: GIAO CHỈ TIÊU ĐỘNG VIÊN PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT**

*Của huyện Phú Lương kèm theo Quyết định số: 1800/2003/QĐ-UB ngày 11/8/2003*

TT	Đơn vị nhận	Tổng cộng	LOẠI PHƯƠNG TIỆN									Ghi chú
			Xe ô tô con	Xe ca 12 chỗ ngồi trở lên	Xe cứu thương	Xe ô tô trở nhiên liệu	Xe vận tải 2,5 tấn trở lên	Xe tự đổ 2,5 tấn trở lên	Máy hút	Máy xúc	Máy san gạt	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>16</b>			<b>1</b>		<b>15</b>					
<b>I</b>	<b><u>Các ĐV thuộc OK</u></b>	<b><u>16</u></b>			<b><u>1</u></b>		<b><u>15</u></b>					
1	e Pháo B Thăng 445	16			1		15					



**PHỤ LỤC I: CHỈ TIÊU XÂY DỰNG VÀ HUY ĐỘNG QUÂN DỰ BỊ**  
 Của thị xã Sông Công kèm theo Quyết định số: 1800/2003/QĐ-UB ngày 11/8/2003

ĐƠN VỊ NHẬN NGUỒN	CHỈ TIÊU		
	+	SQ	HSQ-BS
<b>Tổng cộng</b>	<b>1393</b>	<b>118</b>	<b>1275</b>
<b>I. GIAO CHO CHỦ LỰC QK</b>	<b><u>225</u></b>	<b><u>31</u></b>	<b><u>194</u></b>
<i>1. Tiểu đoàn BM 21</i>	<i>131</i>	<i>15</i>	<i>116</i>
<i>2. Bộ Tham mưu QK</i>	<i>24</i>	<i>2</i>	<i>22</i>
- Tiểu đoàn 23 Hoá học	24	2	22
<b>3. Cục Kỹ thuật</b>	<b>70</b>	<b>14</b>	<b>56</b>
- Cơ quan Cục	10	10	
- Xưởng X 79	60	4	56
<b>II BỘ ĐỘI ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b><u>868</u></b>	<b><u>67</u></b>	<b><u>801</u></b>
<b>A. Chủ lực của tỉnh</b>	<b>416</b>	<b>35</b>	<b>381</b>
<i>1. Tiểu đoàn PK</i>	<i>273</i>	<i>20</i>	<i>253</i>
<i>2. Tiểu đoàn Quân y</i>	<i>76</i>	<i>12</i>	<i>64</i>
<i>3. Trạm sửa chữa</i>	<i>65</i>	<i>3</i>	<i>62</i>
<i>4. Cơ quan Bộ chỉ huy</i>	<i>2</i>		<i>2</i>
- Phòng Kỹ thuật	2	0	2
<b>B. Động viên cho thị xã.</b>	<b>452</b>	<b>32</b>	<b>420</b>
- Cơ quan quân sự thị xã	5	4	1
- d BB thị xã	434	27	407
- b trình sát thị xã	13	1	12
<b>III. DỰ TRỮ</b>	<b><u>300</u></b>	<b><u>20</u></b>	<b><u>280</u></b>



**PHỤ LỤC 2: GIAO CHỈ TIÊU ĐỘNG VIÊN PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT**  
Của thị xã Sông Công kèm theo Quyết định số: 1800/2003/QĐ-UB ngày 11/8/2003

TT	Đơn vị nhận	Tổng cộng	LOẠI PHƯƠNG TIỆN									Ghi chú
			Xe ô tô con	Xe ca 12 chỗ ngồi trở lên	Xe cứu thương	Xe ô tô trở nhiên liệu	Xe vận tải 2,5 tấn trở lên	Xe tự đổ 2,5 tấn trở lên	Máy húc	Máy xúc	Máy san gạt	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>40</b>			<b>2</b>		<b>38</b>					
<b>I</b>	<b><u>Các ĐV thuộc OK</u></b>	<b><u>35</u></b>			<b><u>1</u></b>		<b><u>34</u></b>					
1	Sư đoàn 3	35			1		34					
<b>II</b>	<b><u>BCH quân sự tỉnh</u></b>	<b><u>5</u></b>			<b><u>1</u></b>		<b><u>4</u></b>					
1	d PK	4					4					
2	d Quân y	1			1							



**PHỤ LỤC 1: CHỈ TIÊU XÂY DỰNG VÀ HUY ĐỘNG QUÂN DỰ BỊ**  
 Của huyện Đông Hồ kèm theo Quyết định số: 1800/2003/QĐ-UB ngày 11/8/2003

ĐƠN VỊ NHẬN NGUỒN	CHỈ TIÊU		
	+	SQ	HSQ-BS
<b>Tổng cộng</b>	<b>2003</b>	<b>206</b>	<b>1797</b>
<b>I. GIAO CHO CHỦ LỰC QK</b>	<b><u>717</u></b>	<b><u>97</u></b>	<b><u>620</u></b>
<b>1. Trung đoàn Pháo binh 445</b>	<b>198</b>	<b>24</b>	<b>174</b>
- d1 Pháo bắn thẳng	198	24	174
<b>2. Lữ Công binh 575</b>	<b>267</b>	<b>18</b>	<b>249</b>
- d4 Sở chỉ huy	267	18	249
<b>3. Cục Chính trị</b>	<b>35</b>	<b>35</b>	
<b>4. Bộ Tham mưu Quân khu</b>	<b>185</b>	<b>15</b>	<b>170</b>
- Tiểu đoàn 20 Hoá học	76	6	70
- Tiểu đoàn 31 Trinh sát	109	9	100
<b>5. Cục Hậu cần</b>	<b>32</b>	<b>5</b>	<b>27</b>
- Đội điều trị 40	20	5	15
- Bệnh xá 43	2		2
- Đội VS P.dịch + X74	2		2
- Kho H8	4		4
- Kho K 80	4		4
<b>II. BỘ ĐỘI ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b><u>786</u></b>	<b><u>59</u></b>	<b><u>727</u></b>
<b>A: Chủ lực của tỉnh.</b>	<b>332</b>	<b>24</b>	<b>308</b>
<b>1. Tiểu đoàn Công binh</b>	<b>332</b>	<b>24</b>	<b>308</b>
<b>B. Động viên cho huyện</b>	<b>454</b>	<b>35</b>	<b>419</b>
- Cơ quan quân sự huyện	7	7	0
- d BB huyện	434	27	407
- b trinh sát huyện	13	1	12
<b>III. DỰ TRỮ</b>	<b><u>500</u></b>	<b><u>50</u></b>	<b><u>450</u></b>



**PHỤ LỤC 2: GIAO CHỈ TIÊU ĐỘNG VIÊN PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT**

*Của huyện Đông Hy kèm theo Quyết định số: 1800/2003/QĐ-UB ngày 11/8/2003*

TT	Đơn vị nhận	Tổng cộng	LOẠI PHƯƠNG TIỆN									Ghi chú
			Xe ô tô con	Xe ca 12 chỗ ngồi trở lên	Xe cứu thương	Xe ô tô trở nhiên liệu	Xe vận tải 2,5 tấn trở lên	Xe tự đổ 2,5 tấn trở lên	Máy hút	Máy xúc	Máy san gạt	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>16</b>	<b>2</b>	<b>2</b>			<b>12</b>					
<b>I</b>	<b><u>Các ĐV thuộc OK</u></b>	<b><u>14</u></b>	<b><u>2</u></b>	<b><u>2</u></b>			<b><u>10</u></b>					
1	e Pháo B Thăng 445	14	2	2			10					
<b>II</b>	<b><u>BCH quân sự tỉnh</u></b>	<b><u>2</u></b>					<b><u>2</u></b>					
1	d CBinh	2					2					



**PHỤ LỤC 1: CHỈ TIÊU XÂY DỰNG VÀ HUY ĐỘNG QUÂN DỰ BỊ**  
Của huyện Võ Nhai kèm theo Quyết định số: 1800/2003/QĐ-UB ngày 11/8/2003

ĐƠN VỊ NHẬN NGUỒN	CHỈ TIÊU		
	+	SQ	HSQ-BS
<b>Tổng cộng</b>	<b>1511</b>	<b>174</b>	<b>1337</b>
<b>I. GIAO CHO CHỦ LỰC QK</b>	<b>495</b>	<b>55</b>	<b>440</b>
<b>1. Lữ đoàn PB 382</b>	<b>56</b>	<b>1</b>	<b>55</b>
- d3 Bổ xung thiếu	56	1	55
<b>2. Trung đoàn pháo 455</b>	<b>56</b>	<b>1</b>	<b>55</b>
- d3 Bổ xung thiếu	56	1	55
<b>3. Lữ Công binh 575</b>	<b>242</b>	<b>19</b>	<b>223</b>
- d3 Cầu đường	242	19	223
<b>4. Bộ Tham mưu Quân khu</b>	<b>126</b>	<b>19</b>	<b>107</b>
- Tiểu đoàn 15 vệ binh	126	19	107
<b>5. Cục Hậu cần</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	
- Cơ quan cục	15	15	
<b>II. BỘ ĐỘI ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>516</b>	<b>69</b>	<b>447</b>
<b>A. Chủ lực của tỉnh</b>	<b>62</b>	<b>34</b>	<b>28</b>
- Trường Quân sự tỉnh	62	34	28
<b>B. Động viên cho huyện</b>	<b>454</b>	<b>35</b>	<b>419</b>
- Cơ quan quân sự huyện	7	7	0
- d BB huyện	434	27	407
- b trình sát huyện	13	1	12
<b>III. DỰ TRỮ</b>	<b>500</b>	<b>50</b>	<b>450</b>



**PHỤ LỤC 2: GIAO CHỈ TIÊU ĐỘNG VIÊN PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT**  
Của huyện Võ Nhai kèm theo Quyết định số: 1800/2003/QĐ-UB ngày 11/8/2003

TT	Đơn vị nhận	Tổng cộng	LOẠI PHƯƠNG TIỆN									Ghi chú
			Xe ô tô con	Xe ca 12 chỗ ngồi trở lên	Xe cứu thương	Xe ô tô trở nhiên liệu	Xe vận tải 2,5 tấn trở lên	Xe tự đổ 2,5 tấn trở lên	Máy hút	Máy xúc	Máy san gạt	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>15</b>	<b>1</b>				<b>14</b>					
<b>I</b>	<b><u>Các ĐV thuộc OK</u></b>	<b><u>15</u></b>	<b><u>1</u></b>				<b><u>14</u></b>					
1	Lữ PB 382	15	1				14					

**PHỤ LỤC I: CHỈ TIÊU XÂY DỰNG VÀ HUY ĐỘNG QUÂN DỰ BỊ**  
 Của huyện Phú Bình kèm theo Quyết định số: 1800/2003/QĐ-UB ngày 11/8/2003

ĐƠN VỊ NHẬN NGUỒN	CHỈ TIÊU		
	+	SQ	HSQ-BS
<b>Tổng cộng</b>	<b>2970</b>	<b>269</b>	<b>2701</b>
<b>I. GIAO CHO CHỦ LỰC QK</b>	<b><u>266</u></b>	<b><u>43</u></b>	<b><u>223</u></b>
<i>1. Trường Quân sự Quân khu</i>	<i>38</i>	<i>16</i>	<i>22</i>
<i>2. Bộ Tham mưu Quân khu</i>	<i>199</i>	<i>13</i>	<i>186</i>
- Tiểu đoàn Hoá học 23	99	7	92
- Tiểu đoàn 20 Đặc công	100	6	94
<i>3. Cục Kỹ thuật</i>	<i>29</i>	<i>14</i>	<i>15</i>
- Cơ quan cục	8	8	
- Kho K22	21	6	15
<b>II. BỘ ĐỘI ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b><u>1904</u></b>	<b><u>166</u></b>	<b><u>1738</u></b>
<b>A. Chủ lực của tỉnh</b>	<b>1450</b>	<b>131</b>	<b>1319</b>
<i>1. Trung đoàn 832</i>	<i>1236</i>	<i>108</i>	<i>1128</i>
- Cơ quan trung đoàn	45	25	20
- Trung đội cảnh vệ	19	1	18
- Trung đội Công binh	19	1	18
- Trung đội Vận tải	19	1	18
- Đại đội ĐKZ 82	37	4	33
- Đại đội PK 12,7	53	4	49
- Đại đội Thông tin	79	4	75
- Đại đội Trinh sát	41	7	34
- Đại đội Quân y	36	5	31
- Tiểu đoàn BB1	444	28	416
- Tiểu đoàn BB2	444	28	416
<i>2. Tiểu đoàn PB</i>	<i>214</i>	<i>23</i>	<i>191</i>
<b>B. Động viên cho huyện</b>	<b>454</b>	<b>35</b>	<b>419</b>
- Cơ quan quân sự huyện	7	7	0
- d BB huyện	434	27	407
- b trinh sát huyện	13	1	12
<b>III. DỰ TRỮ</b>	<b><u>800</u></b>	<b><u>60</u></b>	<b><u>740</u></b>



**PHỤ LỤC 2: GIAO CHỈ TIÊU ĐỘNG VIÊN PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT**  
*Của huyện Phú Bình kèm theo Quyết định số: 1800/2003/QĐ-UB ngày 11/8/2003*

TT	Đơn vị nhận	Tổng cộng	LOẠI PHƯƠNG TIỆN									Ghi chú
			Xe ô tô con	Xe ca 12 chỗ ngồi trở lên	Xe cứu thương	Xe ô tô trở nhiên liệu	Xe vận tải 2,5 tấn trở lên	Xe tự đổ 2,5 tấn trở lên	Máy hút	Máy xúc	Máy san gạt	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>11</b>					<b>1</b>	<b>10</b>				
<b>I</b>	<b><u>Giao cho các ĐV Bô</u></b>	<b><u>10</u></b>						<b><u>10</u></b>				
1	Lữ đoàn 472/BĐ 12	10						10				
<b>II</b>	<b><u>BCH quân sự tỉnh</u></b>	<b><u>1</u></b>					<b><u>1</u></b>					
1	d PB	1					1					



**PHỤ LỤC 1: CHỈ TIÊU XÂY DỰNG VÀ HUY ĐỘNG QUÂN DỰ BỊ**  
 Của huyện Phổ Yên kèm theo Quyết định số: 1800/2003/QĐ-UB ngày 11/8/2003

ĐƠN VỊ NHẬN NGUỒN	CHỈ TIÊU		
	+	SQ	HSQ-BS
<b>Tổng cộng</b>	<b>4207</b>	<b>334</b>	<b>3873</b>
<b>I. GIAO CHO CHỦ LỰC QK</b>	<b><u>2693</u></b>	<b><u>212</u></b>	<b><u>2481</u></b>
<b>1. Sư đoàn 346</b>	<b>2286</b>	<b>154</b>	<b>2132</b>
- Trung đoàn 567	2286	154	2132
<b>2. Trung đoàn Pháo binh 445</b>	<b>232</b>	<b>39</b>	<b>193</b>
- Cơ quan + trực thuộc	232	39	193
<b>3. Bộ Tham Quân khu</b>	<b>102</b>	<b>7</b>	<b>95</b>
- Tiểu đoàn 20 Đặc công	102	7	95
<b>4. Cục Hậu cần</b>	<b>18</b>	<b>3</b>	<b>15</b>
- Bệnh viện 91	18	3	15
<b>5. Cục Kỹ thuật</b>	<b>55</b>	<b>9</b>	<b>46</b>
- Kho K21	47	8	39
- Kho K22	8	1	7
<b>II. BỘ ĐỘI ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b><u>1014</u></b>	<b><u>72</u></b>	<b><u>942</u></b>
<b>A. Chủ lực của tỉnh</b>	<b>560</b>	<b>37</b>	<b>523</b>
<b>1. Trung đoàn 832</b>	<b>485</b>	<b>32</b>	<b>453</b>
- Đại đội cối 82	41	4	37
- Tiểu đoàn BB3	444	28	416
<b>2. Đại đội cảnh vệ</b>	<b>75</b>	<b>5</b>	<b>70</b>
<b>B. Động viên cho huyện</b>	<b>454</b>	<b>35</b>	<b>419</b>
- Cơ quan quân sự huyện	7	7	0
- d BB huyện	434	27	407
- b trình sát huyện	13	1	12
<b>III. DỰ TRỮ</b>	<b><u>500</u></b>	<b><u>50</u></b>	<b><u>450</u></b>



**PHỤ LỤC 2: GIAO CHỈ TIÊU ĐỘNG VIÊN PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT**  
Của huyện Phổ Yên kèm theo Quyết định số: 1800/2003/QĐ-UB ngày 11/8/2003

TT	Đơn vị nhận	Tổng cộng	LOẠI PHƯƠNG TIỆN									Ghi chú
			Xe ô tô con	Xe ca 12 chỗ ngồi trở lên	Xe cứu thương	xe ô tô trở nhiên liệu	Xe vận tải 2,5 tấn trở lên	Xe tự đổ 2,5 tấn trở lên	Máy hút	Máy xúc	Máy san gạt	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>15</b>					<b>15</b>					
<b>I</b>	<b><u>Giao cho các ĐV Bô</u></b>	<b><u>15</u></b>					<b><u>15</u></b>					
1	Sư đoàn 312/QĐ1	15					15					

32

**PHỤ LỤC 1: CHỈ TIÊU XÂY DỰNG VÀ HUY ĐỘNG QUÂN DỰ BỊ**  
 Của huyện Đại Từ kèm theo quyết định số: 1800/2003/QĐ-UB ngày 11/8/2003

ĐƠN VỊ NHẬN NGUỒN	CHỈ TIÊU		
	+	SQ	HSQ-BS
<b>Tổng cộng</b>	<b>4391</b>	<b>392</b>	<b>3999</b>
<b>I. GIAO CHO BỘ</b>	<b>100</b>	<b>10</b>	<b>90</b>
<i>1. Kho KW3/TC KT</i>	<i>100</i>	<i>10</i>	<i>90</i>
<b>II. GIAO CHO CHỦ LỰC QK</b>	<b>3141</b>	<b>266</b>	<b>2875</b>
<i>1. Sư đoàn 346</i>	<i>1863</i>	<i>137</i>	<i>1726</i>
- d 13 ĐKZ	224	17	207
- d 15 Công binh	329	21	308
- d Quân y	3	3	
- d Vận tải	243	23	220
- Trung đoàn 677	1064	73	991
<i>2. Lữ đoàn PB 382</i>	<i>468</i>	<i>54</i>	<i>414</i>
- d1 + d2 PB	468	54	414
<i>3. Lữ Công binh 575</i>	<i>258</i>	<i>26</i>	<i>232</i>
- d2 Công trình	258	26	232
<i>4. Bộ Tham mưu Quân khu</i>	<i>322</i>	<i>29</i>	<i>293</i>
- Cụm TSKT 79	230	25	205
- Xưởng SC T.Tin 89	40	2	38
- b 19 Tiêu đồ	52	2	50
<i>5. Cục Hậu cần</i>	<i>230</i>	<i>20</i>	<i>210</i>
- Bệnh viện 283	230	20	210
<b>III. BỘ ĐỘI ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>650</b>	<b>66</b>	<b>584</b>
<b>A. Chủ lực của tỉnh</b>	<b>196</b>	<b>31</b>	<b>165</b>
<i>1. Đại đội Hoá học</i>	<i>63</i>	<i>6</i>	<i>57</i>
<i>2. Đại đội trinh sát</i>	<i>47</i>	<i>2</i>	<i>45</i>
<i>3. Kho kỹ thuật</i>	<i>60</i>	<i>4</i>	<i>56</i>
<i>4. Cơ quan Bộ chỉ huy</i>	<i>26</i>	<i>19</i>	<i>7</i>
- Phòng Tham mưu	20	13	7
- Phòng Chính trị	6	6	
<b>B. Động viên cho huyện</b>	<b>454</b>	<b>35</b>	<b>419</b>
- Cơ quan quân sự huyện	7	7	0
- d BB huyện	434	27	407
- b trinh sát huyện	13	1	12
<b>IV. DỰ TRỮ</b>	<b>500</b>	<b>50</b>	<b>450</b>




**PHỤ LỤC 2: GIAO CHỈ TIÊU ĐỘNG VIÊN PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT**  
*Của huyện Đại Từ kèm theo Quyết định số: 1800/2003/QĐ-UB ngày 11/8/2003*

TT	Đơn vị nhận	Tổng cộng	LOẠI PHƯƠNG TIỆN									Ghi chú
			Xe ô tô con	Xe ca 12 chỗ ngồi trở lên	Xe cứu thương	Xe ô tô trở nhiên liệu	Xe vận tải 2,5 tấn trở lên	Xe tự đổ 2,5 tấn trở lên	Máy hút	Máy xúc	Máy san gạt	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>59</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>1</b>		<b>36</b>	<b>10</b>		<b>4</b>	<b>3</b>	
<b>I</b>	<b><u>Giao cho các ĐV Bô</u></b>	<b><u>20</u></b>	<b><u>1</u></b>	<b><u>3</u></b>	<b><u>1</u></b>		<b><u>15</u></b>					
1	Kho KW3/TCKT	20	1	3	1		15					
<b>II</b>	<b><u>Các ĐV thuộc OK</u></b>	<b><u>39</u></b>	<b><u>1</u></b>				<b><u>21</u></b>	<b><u>10</u></b>		<b><u>4</u></b>	<b><u>3</u></b>	
1	Lữ 575 C.Binh	24	1				6	10		4	3	
2	Lữ 382	15					15					



**PHỤ LỤC 1: CHỈ TIÊU XÂY DỰNG VÀ HUY ĐỘNG QUÂN DỰ B**  
 Của thành phố Thái Nguyên kèm theo Quyết định số: 1800/2003/QĐ-UB ngày 11/8/2003

ĐƠN VỊ NHẬN NGUỒN	CHỈ TIÊU		
	+	SQ	HSQ-BS
<b>Tổng cộng</b>	<b>4571</b>	<b>508</b>	<b>4063</b>
<b>I. GIAO CHO BỘ</b>	<b>350</b>	<b>16</b>	<b>334</b>
1. XN 143 BC Cbinh	120	5	115
2. b do đac lữ 575/BC.PB	30	1	29
3. Lữ CB 472/BĐ 12	200	10	190
<b>II. GIAO CHO CHỦ LỰC QK</b>	<b>1950</b>	<b>289</b>	<b>1661</b>
1. Sư đoàn 346	298	48	250
- Cơ quan Sư đoàn	54	27	27
- d 16 Thông tin	137	11	126
- c Trinh sát	95	8	87
- c Sửa chữa	12	2	10
2. Lữ đoàn PB 382	423	39	384
- d4+Cơ quan T.Thuộc	423	39	384
3. Lữ PK 210	340	17	323
4. Lữ Công binh 575	285	27	258
- d1 + d5 + Trực thuộc	285	27	258
5. Trung đoàn T.Tin 601	148	0	148
6. Trường Thiếu S quân	14	4	10
7. Trường DNghê số 1	5	2	3
8. Cục Chính trị QK	37	17	20
9. Bộ Tham mưu QK	230	76	154
- Cơ quan B.Tham mưu	86	71	15
- d13 CH PB	129	5	124
- b TC Điện tử	15	0	15
10. Cục Hậu cần	96	47	49
- Cơ quan Cục	16	11	5
- Bệnh viện 283	20	20	
- Đội điều trị 40	40	15	25
- Trung đoàn 651	20	1	19
<b>II. Cục Kỹ thuật</b>	<b>74</b>	<b>12</b>	<b>62</b>
- Tiểu đoàn 2	50	11	39
- Xưởng X 79	24	1	23



ĐƠN VỊ NHẬN NGUỒN	CHỈ TIÊU		
	+	SQ	HSQ-BS
<b>III. BỘ ĐỘI ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b><u>928</u></b>	<b><u>87</u></b>	<b><u>841</u></b>
<b>A. Chủ lực của tỉnh</b>	<b>474</b>	<b>52</b>	<b>422</b>
<i>1. Tiểu đoàn thông tin</i>	<i>173</i>	<i>18</i>	<i>155</i>
<i>2. Tiểu đoàn Vận tải</i>	<i>242</i>	<i>21</i>	<i>221</i>
<i>3. Kho Hậu cần</i>	<i>21</i>	<i>1</i>	<i>20</i>
<i>4. Trạm khách</i>	<i>7</i>	<i>1</i>	<i>6</i>
<i>5. Nhà Văn hoá</i>	<i>5</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
<i>6. Phục vụ cơ quan</i>	<i>15</i>	<i>1</i>	<i>14</i>
<i>7. Cơ quan Bộ chỉ huy</i>	<i>11</i>	<i>8</i>	<i>3</i>
- Phòng Hậu cần	11	8	3
<b>B. Động viên cho thành phố</b>	<b>454</b>	<b>35</b>	<b>419</b>
- Cơ quan quân sự thành phố	7	7	0
- d BB thành phố	434	27	407
- b trình sát thành phố	13	1	12
<b>IV. ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN</b>	<b><u>120</u></b>	<b><u>29</u></b>	<b><u>91</u></b>
1BVdã chiến 15 giường	120	29	91
<b>V. DỰ TRỮ:</b>	<b><u>1223</u></b>	<b><u>87</u></b>	<b><u>1136</u></b>



**PHỤ LỤC 2: GIAO CHỈ TIÊU ĐỘNG VIÊN PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT**

*Của Thành phố Thái Nguyên kèm theo Quyết định số: 1800/2003/QĐ-UB ngày 11/8/2003*

TT	Đơn vị nhận	Tổng cộng	LOẠI PHƯƠNG TIỆN									Ghi chú
			Xe ô tô con	Xe ca 12 chỗ ngồi trở lên	Xe cứu thương	Xe ô tô trở nhiên liệu	Xe vận tải 2,5 tấn trở lên	Xe tự đổ 2,5 tấn trở lên	Máy húc	Máy xúc	Máy san gạt	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>145</b>		<b>2</b>		<b>3</b>	<b>119</b>		<b>11</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	
<b>I</b>	<b><u>Giao cho các ĐV Bô</u></b>	<b><u>27</u></b>		<b><u>2</u></b>			<b><u>10</u></b>		<b><u>5</u></b>	<b><u>5</u></b>	<b><u>5</u></b>	
1	Lữ 472/BĐ 12	27		2			10		5	5	5	
<b>II</b>	<b><u>Các ĐV thuộc OK</u></b>	<b><u>86</u></b>				<b><u>2</u></b>	<b><u>78</u></b>		<b><u>6</u></b>			
1	Lữ PK 210	5				2	3					
2	Lữ 575 C.Bình	6							6			
3	e T.Tin 601	10					10					
4	Cơ quan Quân khu	65					65					
	Cục Hậu cần	65					65					
<b>III</b>	<b><u>BCH Q Sự tỉnh</u></b>	<b><u>32</u></b>				<b><u>1</u></b>	<b><u>31</u></b>					
4	d Thông tin	1					1					
6	d vận tải	31				1	30					